

Bản án số: 73/2024/KDTM-PT.

Ngày 01/4/2024.

“V/v tranh chấp hợp đồng kinh tế”

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

#### TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

#### Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Thành.

Các Thẩm phán: ông Bùi Đức Bằng và ông Nguyễn Xuân Tuấn.

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Khiêm- Thư ký Tòa án nhân dân Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội: bà Đinh Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 01/4/2024, Tòa án nhân dân TP Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 41/2024/KDTM- PT ngày 19/01/2024 về tranh chấp hợp đồng kinh tế do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 54/2023/KDTM- ST ngày 23/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2024/QĐXX- PT ngày 12/3/2024 giữa:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH MTV M**

Trụ sở: số B phố K, phường K, quận B, TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Hữu T- Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị B- Luật sư Công ty L. Bà B có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: **Công ty cổ phần Đ1**

Trụ sở: căn nhà 01 khu F mẫu G1 ô A10 KĐT N, phường Y, quận C, TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Tiến Đ- Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Quang P, sinh năm 1992. Ông P có mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên M trình bày:

Công ty cổ phần Đ1 (sau đây gọi tắt là bị đơn) và Công ty TNHH một thành viên M (sau đây gọi tắt là nguyên đơn)- Chi nhánh N có thỏa thuận hợp tác và giao kết ba Hợp đồng số 357/HĐKT/TĐĐ-NS ngày 30/12/2017, số 40/HĐKT/TĐĐ-NS ngày 06/5/2018 và số 101/HĐKT/HP-NS ngày 02/8/2018. Trong đó:

Theo Hợp đồng số 357/HĐKT/TĐĐ- NS ngày 30/12/2017, nguyên đơn được thuê để thực hiện các công việc liên quan đến tiếp nhận, xử lý rác thải sau chôn lấp từ bãi rác M thuộc dự án Vinhomes Green Bay M và các công tác thi công hạ tầng phụ trợ tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn N, S, Hà Nội. Ngày 09/4/2018, nguyên đơn và bị đơn ký Phụ lục số 01 của Hợp đồng số 357/HĐKT/TĐĐ-NS ngày 30/12/2017. Giá trị hợp đồng tạm tính mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn sau thuế là 19.250.000.000 đồng.

Theo Hợp đồng số 40/HĐKT/TĐĐ- NS ngày 06/5/2018, nguyên đơn được thuê thực hiện các công việc liên quan đến tiếp nhận, xử lý rác thải sinh hoạt sau chôn lấp từ bãi rác M thuộc dự án Vinhomes Green Bay M và công tác thi công hạ tầng phụ trợ tại ô số 4 giai đoạn I Khu liên hợp XLCT N, S, Hà Nội. Giá trị hợp đồng tạm tính bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn sau thuế là 4.510.000.000 đồng.

Theo Hợp đồng số 101/HĐKT/HP-NS ngày 02/8/2018, nguyên đơn được thuê thực hiện các công việc liên quan đến tiếp nhận, xử lý rác thải sinh hoạt sau chôn lấp từ bãi rác M thuộc dự án Vinhomes Green Bay M và công tác thi công hạ tầng phụ trợ tại ô số 9 giai đoạn I Khu liên hợp XLCT N, S, Hà Nội. Giá trị hợp đồng tạm tính mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn sau thuế là 1.100.000.000 đồng.

Như đã thỏa thuận trong các Hợp đồng trên thì hàng kỳ, vào ngày 15 hàng tháng (hoặc vào các ngày làm việc liền kề tiếp theo ngày 15 nếu trùng vào ngày nghỉ, lễ), sau khi phía nguyên đơn hoàn thành các công việc xử lý rác thải, rửa xe và xác định khối lượng xe vận chuyển rác sẽ được bị đơn thanh toán 80% giá trị khối lượng công việc được nghiệm thu trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày bị đơn nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán nguyên đơn. Cho đến khi nguyên đơn hoàn tất toàn bộ công việc trong hợp đồng, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và được các bên nghiệm thu thì bị đơn có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ giá trị quyết toán sau khi khấu trừ, thanh toán, tiền tạm ứng và các khoản chi phí khác. Việc quyết toán sẽ được thực hiện trong vòng 15 ngày kể từ ngày bị đơn nhận được quyết toán từ nguyên đơn.

Tính đến thời điểm ngày 15/7/2019, số tiền mà bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 5.329.880.408 đồng và đã có thư xác nhận công nợ ngày 20/01/2020 giữa hai bên.

Từ thời điểm ngày 20/01/2020 đến nay, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thực hiện thanh toán nốt số tiền công nợ còn thiếu là 5.329.880.408 đồng nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán và cũng không có bất kỳ phản hồi nào về các công văn yêu cầu thanh toán nợ từ phía nguyên đơn.

Do đó, nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét và tuyên buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ theo các 03 Hợp đồng kinh tế đã ký kết tạm tính đến ngày 18/9/2023 là 7.558.208.491 đồng, trong đó:

- Nợ gốc còn phải thanh toán: 5.329.880.408 đồng.
- Nợ lãi chậm thanh toán theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 15/7/2019 đến ngày 18/9/2023 là 2.228.328.083 đồng.

Và buộc bị đơn chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại.

*Bị đơn do người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bị đơn xác nhận có giao kết 03 hợp đồng như trên với nguyên đơn. Quá trình ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế đúng như nguyên đơn trình bày, tuy nhiên không đồng ý với số tiền cụ thể về công nợ theo các hợp đồng kinh tế đã ký kết mà nguyên đơn cung cấp.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện 03 hợp đồng kinh tế, bị đơn có chuyển 01 máy xúc PC200 sang bên nguyên đơn để phục vụ cho công việc. Nay bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả lại cho bị đơn 01 máy xúc trên.

Về án phí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **Tại phiên tòa sơ thẩm**

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ theo các 03 hợp đồng kinh tế đã ký kết tạm tính đến ngày 23/9/2023 là 7.542.145.838 đồng. Trong đó nợ gốc là 5.329.880.408 đồng. Nợ lãi chậm thanh toán theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 31/7/2019 đến ngày 23/9/2023 là 2.212.265.430 đồng. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại.

Bị đơn rút yêu cầu đề nghị nguyên đơn trả lại 01 máy xúc PC 200 và xác nhận tạm tính đến ngày 23/9/2023, bị đơn còn nợ nguyên đơn số nợ gốc theo các hợp đồng kinh tế là 5.329.880.408 đồng. Bị đơn đồng ý với lãi suất nợ quá hạn

10%/năm tính từ ngày 31/7/2019 đến ngày 23/9/2023 là 2.212.265.430 đồng.

Tổng số tiền mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ theo 03 hợp đồng kinh tế đã ký kết tạm tính đến ngày 23/9/2023 là 7.542.145.838 đồng.

Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn chưa thống nhất được về phương thức thanh toán nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

*Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 54/2023/KDTM-ST ngày 23/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy đã xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo 03 Hợp đồng kinh tế số 357/HĐKT/TĐĐ- NS ngày 30/12/2017, số 40/HĐKT/TĐĐ- NS ngày 06/5/2018 và số 101/HĐKT/HP- NS ngày 02/8/2018.

Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 23/9/2023 là 7.542.145.838 đồng. Trong đó nợ gốc là 5.329.880.408 đồng. Nợ lãi tính từ ngày 31/7/2019 đến ngày 23/9/2023 là 2.212.265.430 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm nêu trên bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:* bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị đơn cho rằng sau khi ký Biên bản đối chiếu công nợ, bị đơn có trả thêm tiền cho nguyên đơn, nhưng do bị đơn để thất lạc hóa đơn, giấy tờ nên chưa thể cung cấp cho Hội đồng xét xử cũng như chưa thể xác định chính xác được số tiền đã trả thêm cho nguyên đơn.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có phương án hòa giải với bị đơn. Bị đơn tại phiên tòa sơ thẩm đã thừa nhận số tiền nợ gốc và lãi đúng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội phát biểu ý kiến:*

*Về thủ tục tố tụng:* bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và tiến hành phiên tòa. Thư ký đã làm đầy đủ nhiệm vụ và phổ biến nội quy phiên tòa. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, đã được tranh luận và trình bày căn cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

*Về nội dung kháng cáo của bị đơn:* nguyên đơn và bị đơn đều công nhận đã ký kết 03 hợp đồng đúng như Bản án sơ thẩm đã nêu. Quá trình thực hiện 03 hợp đồng, nguyên đơn đã hoàn thành phần công việc của mình theo hợp đồng và bị đơn còn thiếu tiền nợ gốc mà hai bên đã có đối chiếu công nợ. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc còn thiếu và số tiền lãi là hoàn toàn phù hợp với quy định, bị đơn cũng thừa nhận cả về nợ gốc và lãi. Bản án sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm và bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng:* nguyên đơn, bị đơn là hai pháp nhân. Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng kinh tế là tranh chấp kinh doanh thương mại. Bị đơn có trụ sở tại **quận C**, nên Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bị đơn là hợp lệ.

*Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận đã ký kết và thực hiện 03 hợp đồng kinh tế đúng như Bản án sơ thẩm đã nêu. Các hợp đồng đều do người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn và bị đơn ký trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Nội dung của hợp đồng không trái với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Bị đơn tại phiên tòa sơ thẩm đã thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc và tiền lãi theo đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bị đơn chỉ còn chưa thống nhất được với nguyên đơn về cách thức thanh toán tiền. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cho rằng đã thanh toán thêm cho nguyên đơn một số tiền nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu và cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ cho việc đã trả thêm tiền cho nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử không có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là sửa Bản án. Do đó, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

## QUYẾT ĐỊNH

### **Áp dụng:**

- Căn cứ vào các điều 30, 35, 39, 147, 308 và 313 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các điều 117, 119, 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các điều 24 và 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

### **Xử:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần Đ1. Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 54/2023/KDTM- ST ngày 23/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí KDTM phúc thẩm: Công ty cổ phần Đ1 phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền án phí phúc thẩm được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Biên lai số 0068 ngày 23/10/2023.

Bản án phúc thẩm xử công khai và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Lưu HS, VP, HCTP, TKT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Ngọc Thành**

